

**Phụ lục I**

**DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

**A. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**I. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CỨVVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	60 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.	4	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	22 ngày làm việc (giảm 08 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	3		x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	17 ngày làm việc, không kể thời gian thực hiện quy trình chuyên thông tin giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục kiểm lâm ( <i>giảm 03 ngày so với quy định của Trung ương</i> )	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2		x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (*)	17 ngày làm việc, không kể thời gian thực hiện quy trình chuyển thông tin giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục kiểm lâm (giảm 08 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
5	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	13,5 ngày làm việc, không kể thời gian thực hiện quy trình chuyển thông tin giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Chi cục kiểm lâm (giảm 6,5 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2		x
6	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-	3		x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.			
7	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	21 ngày làm việc ( <i>giảm 9 ngày so với quy định của Trung ương</i> )	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000đ/Giấy + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 500.000đ/Giấy  Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và MT; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2, 3	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
8	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	20 ngày làm việc (giảm 10 ngày so với quy định của Trung ương).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Lệ phí: 500.000đ/Giấy  Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: 500.000đ/Giấy  Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x
10	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác	20 ngày làm việc (giảm 10 ngày so với quy định của	Trung tâm Phục vụ	Lệ phí: + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-	2, 3	x	x



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<i>Trung ương</i> ).	hành chính công tỉnh	+ Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 500.000đ/Giấy  Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
11	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 15 ngày làm việc; - Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 18 ngày làm việc ( <i>giảm 7</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy  + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
		<i>ngày so với quy định của Trung ương)</i>		<p>đã cấp: 30.000đ/Giấy</p> <p>Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<p>Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</p> <p>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>			
12	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>15 ngày làm việc (<i>giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)</i></p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p>	<p>Lệ phí:</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>- Cấp mới: 500.000đ/Giấy</p> <p>- Cấp đổi: 50.000đ/Giấy</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất:</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</p>	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp mới: 100.000đ/Giấy</li> <li>- Cấp đổi: 30.000đ/Giấy</li> </ul> Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
13	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 15 ngày làm việc (<i>giảm 2 ngày so với quy định của</i></li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền đã cấp: 30.000đ/Giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; <i>đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</i>	<i>Trung ương)</i>		Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này				
14	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc;	Trung tâm	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	- Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 15 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Phục vụ hành chính công tỉnh;	chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền đã cấp: 30.000đ/Giấy  Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc;	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; <i>tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</i>	- Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 17 ngày làm việc		Giấy chứng nhận quyền đã cấp: 30.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
16	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 20 ngày làm việc ( <i>giảm 10 ngày so với quy định của Trung ương</i> ) - Trường hợp in mới Giấy chứng nhận:	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	25 ngày làm việc ( <i>giảm 8 ngày so với quy định của Trung ương</i> )		Giấy chứng nhận quyền đã cấp: 30.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
17	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ	2, 3	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
18	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2, 3	x	x



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	10 ngày làm việc (giảm 5 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2, 3	x	x
20	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	8 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ	Lệ phí: 30.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
			hành chính công tỉnh		<p>BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk</p> <p>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>			
21	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	20 ngày làm việc (giảm 10 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p>	2, 3	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
22	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	13 ngày làm việc ( <i>giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương</i> )	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2, 3	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
23	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	05 ngày làm việc (giảm 5 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: 30.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x
24	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	02 ngày làm việc (giảm 1 ngày so với quy định của Trung ương)	Trung tâm Phục vụ	Lệ phí: 30.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
			hành chính công tỉnh		<p>BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</p> <p>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>			
25	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: 30.000đ/Giấy	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>			
26	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
27	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: 30.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua DV BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
28	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 30.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền đã cấp: 30.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x



## II. ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	<p>Lệ phí:</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>- Tại phường: 100.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 50.000đ/Giấy</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất:</p> <p>- Tại phường: 25.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 12.500đ/Giấy</p> <p>Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</p> <p>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>	2, 3	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
2	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	25 ngày làm việc (giảm 5 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã, huyện	Lệ phí: - Tại phường: 100.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 50.000đ/Giấy  Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã, huyện	<p>Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 100.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 50.000đ/Giấy</p> <p>Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
4	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã, huyện	<p>Lệ phí:</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>- Tại phường: 100.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 50.000đ/Giấy</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất:</p> <p>- Tại phường: 25.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 12.500đ/Giấy</p> <p>Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</p> <p>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>	2, 3	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
5	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 15 ngày làm việc;</li> <li>- Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 25 ngày làm việc.</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã, huyện	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phường: 50.000đ/Giấy</li> <li>- Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy</li> </ul> </li> <li>+ Đối với trường hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phường: 28.000đ/Giấy</li> <li>- Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy</li> </ul> </li> </ul> <p>Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	17 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã, huyện	<p>Lệ phí:          Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:          - Cấp mới:          + Tại phường: 100.000đ/Giấy          + Tại xã, thị trấn: 50.000đ/Giấy          - Cấp đổi:          + Tại phường: 50.000đ/Giấy          + Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy          Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất:          - Cấp mới:          + Tại phường: 25.000đ/Giấy          + Tại xã, thị trấn: 12.500đ/Giấy          - Cấp đổi:          + Tại phường: 20.000đ/Giấy          + Tại xã, thị trấn:</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;          - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;          - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;          - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;          - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;          - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				10.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này				
7	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc; - Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 17 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy  + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy  + Đối với trường hợp hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn:	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp			14.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
8	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc; - Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 17 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy + Đối với trường hợp hợp chỉnh lý biến động trên Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số	2	x	x



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			chứng nhận đã cấp: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
9	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc; - Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 17 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy  + Đối với trường hợp hợp chỉnh lý biến động trên Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận			chứng nhận đã cấp: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
10	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 18 ngày làm việc (giảm 12 ngày so với quy định của Trung ương) - Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 25 ngày làm việc (giảm 12 ngày so với	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
		quy định của Trung ương)		+ Đối với trường hợp hợp chính lý biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
11	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2, 3	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
12	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2, 3	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
13	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2, 3	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
14	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>			
15	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	08 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phường: 28.000đ/Giấy</li> <li>- Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>			
16	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy + Đối với trường hợp hợp chỉnh lý biến động trên Giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> </ul>	2	x	x



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				chứng nhận đã cấp: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
17	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	20 ngày làm việc (giảm 10 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2, 3	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>			
18	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	13 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> </ul>	2, 3	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>			
19	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	07 ngày làm việc (giảm 3 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy + Đối với trường hợp hợp chỉnh lý biến động trên Giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				chứng nhận đã cấp: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
20	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	02 ngày làm việc (giảm 1 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>			
21	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phường: 28.000đ/Giấy</li> <li>- Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014</li> </ul>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
22	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>Lệ phí:</p> <p>+ Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>- Tại phường: 50.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất:</p> <p>- Tại phường: 20.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy</p> <p>+ Đối với trường hợp hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>- Tại phường: 28.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy</p> <p>Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</p> <p>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
23	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>Lệ phí:</p> <p>+ Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất:</p> <p>- Tại phường: 20.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy</p> <p>+ Đối với trường hợp hợp chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>- Tại phường: 28.000đ/Giấy</p> <p>- Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy</p> <p>Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</p> <p>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</p>	2	x	x



### III. DANH MỤC THỦ TỤC THỰC HIỆN LỒNG GHÉP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thực hiện đồng thời với thủ tục chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho,	18 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	Lệ phí: Theo thủ tục số 08 + thủ tục số 09 phần II  Phí thẩm định: Theo thủ tục số 08 + thủ tục số 09 phần II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng, tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận							
2	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu thực hiện đồng thời với thủ tục chuyển nhượng, cho	13 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	Lệ phí: Theo thủ tục số 14 + thủ tục số 09 phần II  Phí thẩm định: Theo thủ tục số 14 + thủ tục số 09 phần II	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng, tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận				22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
3	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp	15 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	Lệ phí: Theo thủ tục số 08 + thủ tục số 11 phần II  Phí thẩm định: Theo thủ tục số 08 + thủ tục số 11 phần II	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thực hiện đồng thời với thủ tục với thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Trung ương)			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>			
4	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện đồng thời với thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,	15 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc	Lệ phí: Theo thủ tục số 15 + thủ tục số 11 phần II Phí thẩm định: Theo thủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017</li> </ul>	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUSDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	định của Trung ương)	cấp huyện	tục số 15 + thủ tục số 11 phần II	của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
5	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu thực hiện đồng thời với thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	10 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	Lệ phí: Theo thủ tục số 14 + thủ tục số 11 phần II  Phí thẩm định: Theo thủ tục số 14 + thủ tục số 11 phần II	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính;	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CUSDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
6	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đồng thời với thủ tục chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của	18 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	Lệ phí: Theo thủ tục số 16 + thủ tục số 09 phần II Phí thẩm định: Theo thủ tục số 16 + thủ tục số 09 phần II	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	chung vợ và chồng, tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận							
7	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đồng thời với thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	15 ngày làm việc (giảm 2 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	Lệ phí: Theo thủ tục số 16 + thủ tục số 11 phần II  Phí thẩm định: Theo thủ tục số 16 + thủ tục số 11 phần II	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	2	x	x

**B. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	45 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.	4	x	x
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	22 ngày làm việc (giảm 08 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	3		x



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
3	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	17 ngày làm việc, (giảm 03 ngày so với quy định của Trung ương)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2		x
4	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (*)	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 100.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 50.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và	3		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				quyền sử dụng đất: - Tại phường: 25.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 12.500đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
5	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi diện tích thay đổi (*)	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: - Tại phường: 50.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 25.000đ/Giấy + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh	2		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
6	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (*)	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: - Tại phường: 28.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 14.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư Liên tịch số 88/2016/TTLT-BTNM-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk; - Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh	2		
7	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân (*)	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Lệ phí: + Đối với trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: - Tại phường: 20.000đ/Giấy - Tại xã, thị trấn: 10.000đ/Giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	2		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ CƯĐVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				Phí thẩm định: Theo Phụ lục kèm theo Quyết định này	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> </ul>			
8	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (*)	Không xác định thời gian	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;</li> </ul>	2		

### C. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Mức độ CUDVC TT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	45 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	- Luật đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.	4	x	x

(\*) Ghi chú: TTHC tại thứ tự số 4, mục I, phần A; các TTHC tại thứ tự số: 4, 5, 6, 7, 8 phần B không thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích.